TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST.
Ngày: 08-07-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đinh Triều, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 494/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 763/2025/QĐST0DS ngày 27 tháng 05 năm 2025 và thông báo dời phiên tòa số 1004/2025/TB-TA ngày 18 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1991 và bà Trần Thu T, sinh năm 1993, địa chỉ: Số G L, khu P, xã L, tỉnh Đ. (bà H vắng mặt, bà T có mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1959, địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã L, tỉnh Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, đại diên theo ủy quyền của nguyên đơn-bà Trần Thu T trình bày:*

Năm 2008, bà H được bầu làm Tổ trưởng tổ 5 thuộc Chi Hội Phụ nữ ấp Đ xã L, huyện L, tỉnh Đ, đồng thời là tổ trưởng tổ tiết kiệm gồm 20 thành viên. Vì để giúp nhau phát triển kinh tế nên tổ chị H cùng thống nhất góp mỗi thành viên 5.000.000đ (năm triệu đồng) để thành lập quỹ của tổ, tổng số tiền quỹ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và cũng thỏa thuận nội dung như sau: khi thành viên trong tổ hoặc thành viên của các chi, tổ khác có nhu cầu vay thì bà Nguyễn Thị H (Tổ trưởng) được quyền xét cho vay, lãi suất 2%/tháng, số tiền lãi sẽ được nhập quỹ tổ và báo cáo hàng năm cho các tổ viên biết. Năm 2020, bà Nguyễn Thị T1 có nhu cầu vay vốn nên bà H đại diện Tổ tiết kiệm tổ 5 cho bà Nguyễn Thị T1 vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất 2% tháng, thời hạn vay 1 năm. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền thì bà T1 không trả. Vào tháng 09/2023, bà H có làm đơn gửi Ban ấp Đ tại buổi làm việc ngày 23/9/2023, bà T1 hứa đến cuối năm 2023 sẽ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho bà H nhưng đến nay bà T1 không thực hiện. Đến nay, mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ gọi điện và đến tận nhà để yêu cầu trả nợ nhưng bà T1vẫn cố tìm đủ lý do để trốn tránh và không chịu trả nợ cho bà H. Xét thấy, bà Nguyễn Thị T1 đã có hành vi trốn tránh, không chịu trả nợ, gây khó khăn và tổn thất cho bà H. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 trả lại cho bà Hà số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/01/2021 cho đến thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 08/07/2025 theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/năm, cụ thể là 100.000.000 đồng x 20%/365 x 1650 ngày = 90.410.959 đồng.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Năm 2020, bà Nguyễn Thị H gửi cho bà số tiền 100.000.000 đồng làm 02 lần: lần 1 số tiền 70.000.000 đồng, lần 2 số tiền 30.000.000 đồng nhờ bà cho vay dùm với lãi suất 2%/ tháng theo lãi suất phụ nữ ấp đưa ra. Hàng tháng, bà đã đưa lãi đầy đủ cho bà H. Đến tháng 8/2020, người vay bỏ đi nhưng bà vẫn đưa lãi cho bà H đầy đủ đến hết tháng 11/2020. Tổng số tiền lãi bà đã đưa cho bà H là 18.400.000 đồng. Sau đó, bà không đưa lãi nữa vì người vay là bà Lê Ngọc H2 không có khả năng trả nợ. Bà đã đi kiện bà Lê Ngọc H2, Tòa án đã xét xử, bản án đã tuyên bà Lê Ngọc H2 phải trả nợ cho bà, hiện bà Lê Ngọc H2 chưa về trả nợ nên bà không có tiền trả cho bà Hà. Bà xác định bà có nhận của bà Hà số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên, bà không vay mượn tiền của bà Hà, mà là bà cho người khác vay dùm bà H. Bà đồng ý trả lại cho bà H số tiền 100.000.000 đồng với điều kiện người vay trả tiền cho bà. Bà không đồng ý yêu cầu về tính lãi của bà H.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị T1 trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/01/2021 cho đến thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm vụ án ngày 08/07/2025 theo lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/năm. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H có cho bà Nguyễn Thị T1 vay tiền vào năm 2020. Bà T1 vi phạm thỏa thuận trả tiền nên bà H khởi kiện, do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn-bà Nguyễn Thị T1 đang cư trú tại xã L, huyện L (nay là xã L, tỉnh Đ) nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai) theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[3] Về tư cách tố tụng: Số tiền mà bà Nguyễn Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 là tiền đóng góp của các hội viên trong Tổ tiết kiệm tổ 5. Qua ý kiến của tất cả các hội viên thì tất cả đều thống nhất và có biên bản giao cho bà Nguyễn Thị H được toàn quyền định đoạt và quyết định. Do đó, bà H có trách nhiệm đi khởi kiện bà T1 và tất cả hội viên đều thống nhất đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng. Vì vậy, không cần thiết phải đưa tất cả hội viên của tổ tiết kiệm tổ 05 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi cần thiết, các hội viên trong Tổ tiết kiệm tổ 5 được quyền khởi kiện bà H bằng vụ án khác.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn-bà Nguyễn Thị H xác định: Năm 2020, bà H đại diện Tổ tiết kiệm tổ 5 cho bà Nguyễn Thị T1 vay 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng), lãi suất 2% tháng, thời hạn vay 1 năm. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền thì bà T1 không trả. Vào tháng 09/2023, bà H có làm đơn gửi Ban ấp Đ. Tại buổi làm việc ngày 23/9/2023, bà T1 hứa đến cuối năm 2023 sẽ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho bà H nhưng đến nay bà T1 không thực hiện. Bà T1 có viết giấy xác nhận số nợ như trên và ký họ tên vào giấy.

[4.2] Bị đơn-bà Nguyễn Thị T1 cũng xác định chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy xác nhận do nguyên đơn cung cấp là đúng của bà T1 và cũng thừa nhận số nợ trên, cụ thể: vào năm 2020 bà Nguyễn Thị H gửi cho bà Tân số tiền 100.000.000 đồng làm 02 lần: lần 1 số tiền 70.000.000 đồng, lần 2 số tiền 30.000.000 đồng nhờ bà T1 cho vay dùm với lãi suất 2%/ tháng theo lãi suất phụ nữ ấp đưa ra. Hàng tháng, bà T1 đã đưa lãi đầy đủ cho bà H. Đến tháng 8/2020 người vay bỏ đi nhưng bà T1 vẫn đưa lãi cho bà H đầy đủ đến hết tháng 11/2020. Tổng số tiền lãi bà T1 đã đưa cho bà H là 18.400.000 đồng; sau đó bà T1 không đưa lãi nữa vì người vay là bà Lê Ngọc H2 không có khả năng trả nợ. Bà đã đi kiện bà Lê Ngọc H2, Tòa án đã xét xử, bản án đã tuyên bà Lê Ngọc H2 phải trả nợ cho bà T1, hiện bà Lê Ngọc H2 chưa về trả nợ, nên bà không có tiền trả cho bà H.

[4.3] Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại cho bà H số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

[4.4] Bà H và bà T1 đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Do mức lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn quy định của pháp luật nên bà H yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 20%/năm. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi, buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 20%/năm từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử 08/07/2025. Cách tính lãi của đại diện nguyên đơn cụ thể: 100.000.000 đồng x 20%/365 x 1650 ngày = 90.410.959 đồng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[4.5] Đối với số tiền lãi mà bà T1 đã trả cho bà H từ khi nhận tiền đến tháng 11/2020, theo lãi suất 2%/tháng, thành tiền là 18.400.000 đồng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án điều chỉnh nên không xem xét.

[5] Về án phí:

[5.1] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn-bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.520.548 đồng.

[5.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0016459 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai).

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Nguyễn Thị H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn-bà Nguyễn Thị T1.

Xử buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử vụ án 08/07/2025 là 90.410.959 đồng, tổng cộng là 190.410.959 (một trăm chín mươi triệu bốn trăm mười ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bị đơn- bà Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.520.548 (chín triệu năm trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016459 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam